

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2025/DS-ST
Ngày 06-6-2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hui
và hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An
Ông Nguyễn Văn Mẫn
Ông Lê Phú Quốc
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa.
Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 202/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hui và hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 05 năm 2025. Giữa các đương sự:
- Nguyên đơn: Bà Võ Thị M - sinh năm: 1963. Có mặt.
- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H - sinh năm: 1973. Có đơn xin xét xử vắng mặt Bà Đặng Thị P - sinh năm: 1976. Có mặt
Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Võ Thị M trình bày:
Bà Võ Thị M có tham gia chơi nhiều dây hui do bà Đặng Thị P và ông Nguyễn Văn H làm chủ hui, cụ thể: bà M tham gia 03 dây hui mùa, mỗi chân 5.000.000 đồng:
- Dây thứ nhất, áp hui ngày 20/5/2017 (Âm lịch), có 17 hui viên, đã mở hui được 11 lần, 03 tháng số 01 lần (01 năm số 03 lần theo vụ lúa), hoa hồng chủ hui là 02 triệu, còn 04 lần chưa số, dây hui này hiện đã mất. Bà M tham gia 01 chân.
- Dây thứ hai, mở hui ngày 20/4/2016 (Âm lịch), có 17 hui viên, đã mở hui được 14 lần, 03 tháng số 01 lần (01 năm số 03 lần theo vụ lúa), hoa hồng chủ hui là 02 triệu, còn 03 lần chưa số, dây hui này hiện đã mất. Bà M tham gia 01 chân.
- Dây hui thứ 3, mở hui ngày 25/01/2018 (Âm lịch), có 15 hui viên, đã mở

hụi được 09 lần, 03 tháng số 01 lần (01 năm số 03 lần theo vụ lúa), hoa hồng chủ hụi là 02 triệu, dây hụi này hiện đã mãn. Bà M tham gia 02 chân.

Ngoài ra bà M còn tham gia chơi hai dây hụi tháng:

- Dây thứ nhất, mở hụi ngày 25/01/2020 (Âm lịch), có 24 hụi viên, đã mở hụi được 11 lần, 01 tháng số 01 lần, mỗi chân 3.000.000 đồng, hoa hồng chủ hụi là 01 triệu, bà M tham gia 01 chân, dây hụi này hiện đã mãn.

- Dây thứ hai, mở hụi ngày 29/3/2020 (Âm lịch), có 21 hụi viên, đã mở hụi được 09 lần, 01 tháng số 01 lần, mỗi chân 3.000.000 đồng, hoa hồng chủ hụi là 01 triệu, bà M tham gia 02 chân, dây hụi này hiện đã mãn.

Về tiền vay, khoảng năm 2019 bà M có cho bà P vay số tiền gốc là 50.000.000 đồng, bà P có trả cho bà 10.000.000 đồng và sau khi bẻ hụi có trả thêm 2.000.000 đồng, hiện nay bà P nợ bà số tiền vay gốc 38.000.000 đồng. Bà M xác định tiền vay 38.000.000 đồng thì bà trực tiếp giao dịch với bà P nên bà M chỉ yêu cầu bà P trả cho nợ vay cho bà.

Tất các dây hụi nêu trên thì bà M chưa hốt phần nào. Ngày 29/11/2019 thì bà P đã tuyên bố bẻ hụi. Sau đó, bà và bà P có gặp nhau kết toán nợ hụi, bà P có làm giấy biên nhận thể hiện còn nợ số tiền hụi tổng cộng các phần hụi mà bà M tham gia là 199.000.000 đồng và tiền vay là 40.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện, bà M cho rằng thời điểm giao dịch ông H và bà P là vợ chồng nên yêu cầu ông H và bà P phải cùng chịu trách nhiệm trả nợ hụi cho bà số tiền hụi là 310.000 đồng và yêu cầu bà P phải trả tiền vay là 40.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà M xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà P, bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P phải trả số tiền hụi còn thiếu là 125.000.000 đồng và tiền vay là 38.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bà H tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông H do bà không giao dịch trực tiếp với ông H.

Tại bản tự khai và phiên hòa giải, bị đơn - ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông H xác định lời trình bày của bà M về thời gian và quá trình chơi hụi và tiền vay thì ông đều không rõ. Do đó, bà M khởi kiện ông cùng chịu trách nhiệm trả tiền hụi với bà P thì ông H không đồng ý.

Bị đơn - bà Đặng Thị P trình bày:

Bà P xác định lời trình bày của bà M về thời gian và quá trình chơi hụi là đúng. Nay bà M khởi kiện bà P xác định số tiền hụi các dây như bà M khai là đúng. Bà P thừa nhận biên nhận bà M cung cấp cho Tòa án thể hiện nội dung bà thừa nhận còn nợ bà M số tiền hụi là 199.000.000 đồng và tiền vay là 40.000.000 đồng là đúng chữ viết của bà P.

Bà P đồng ý trả cho bà M tổng số tiền hụi là 125.000.000 đồng và tiền vay gốc là 38.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi đã đóng xong cho bà M, bà P không có ý kiến tranh chấp gì. Quá trình bà P giao dịch tiền hụi và tiền vay với bà M do bà P trực tiếp thực hiện. Nay ông H không đồng ý cùng chịu trách nhiệm trả nợ thì bà P cũng không có ý kiến, bà P đồng ý tự chịu trách nhiệm trả nợ cho bà M. Bà P yêu cầu trả dần mỗi tháng theo khả năng, khi nào bán được tài sản thì bà sẽ trả tiền cho bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Võ Thị M khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Đặng Thị P phải trả số tiền nợ hui và tiền vay còn thiếu đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui và hợp đồng dân sự vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, T án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục.

Bị đơn - ông H đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng nhưng ông H có đơn xin xét xử vắng mặt bận công việc. Xét thấy ông H đã có bản tự khai trình bày ý kiến, việc vắng mặt của ông H không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hợp đồng góp hui:

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự bà M và bà P đều thừa nhận sự việc tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng góp hui cụ thể như sau:

Bà M có tham gia chơi nhiều dây hui do bà Đặng Thị P và ông Nguyễn Văn H làm chủ hui, cụ thể bà M tham gia 03 dây hui mùa, mỗi chân 5.000.000 Đồng:

- Dây thứ nhất, áp hui ngày 20/5/2017 (Âm lịch), có 17 hui viên, đã mở hui được 11 lần, 03 tháng sổ 01 lần (01 năm sổ 03 lần theo vụ lúa), hoa hồng chủ hui là 02 triệu, còn 04 lần chưa sổ, dây hui này hiện đã mãn. Bà M tham gia 01 chân.

- Dây thứ hai, mở hui ngày 20/4/2016 (Âm lịch), có 17 hui viên, đã mở hui được 14 lần, 03 tháng sổ 01 lần (01 năm sổ 03 lần theo vụ lúa), hoa hồng chủ hui là 02 triệu, còn 03 lần chưa sổ, dây hui này hiện đã mãn. Bà M tham gia 01 chân.

- Dây hui thứ 3, mở hui ngày 25/01/2018 (Âm lịch), có 15 hui viên, đã mở hui được 09 lần, 03 tháng sổ 01 lần (01 năm sổ 03 lần theo vụ lúa), hoa hồng chủ hui là 02 triệu, dây hui này hiện đã mãn. Bà M tham gia 02 chân.

Ngoài ra bà M còn tham gia chơi hai dây hui tháng:

- Dây thứ nhất, mở hui ngày 25/01/2020 (Âm lịch), có 24 hui viên, đã mở hui được 11 lần, 01 tháng sổ 01 lần, mỗi chân 3.000.000 đồng, hoa hồng chủ hui là 01 triệu, bà M tham gia 01 chân, dây hui này hiện đã mãn.

- Dây thứ hai, mở hui ngày 29/3/2020 (Âm lịch), có 21 hui viên, đã mở hui được 09 lần, 01 tháng sổ 01 lần, mỗi chân 3.000.000 đồng, hoa hồng chủ hui là 01 triệu, bà M tham gia 02 chân, dây hui này hiện đã mãn.

Tất các dây hui nêu trên thì bà M chưa hốt phần nào. Ngày 29/11/2019 thì bà P đã tuyên bố bế hui. Sau đó, bà và bà P có gặp nhau kết toán, khấu trừ nợ hui, bà P có làm giấy biên nhận thể hiện còn nợ số tiền hui tổng cộng các phần hui mà bà M tham gia là 199.000.000 đồng và tiền vay là 40.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết bà P xác nhận ý kiến trình bày của bà M là đúng chữ viết trong biên nhận nợ bà M cung cấp cho Tòa án là đúng của bà P viết nên đây là

tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy tại thời điểm giao kết các bên tự nguyện giao kết, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hợp đồng góp hui đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Bà P với tư cách là chủ hui nhưng không duy trì được dây hui, chấm dứt dây hui mà không có sự đồng ý của thành viên tham gia chơi hui là vi phạm nghĩa vụ của chủ hui theo quy định tại Điều 11, khoản 3, 4 Điều 18 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hui, họ, biểu phường.

Bà P cho rằng nguyên nhân không duy trì dây hui, không thể trả nợ 01 lần theo yêu cầu của bà M là do các thành viên tham gia chơi hui không thực hiện nghĩa vụ đóng hui cho bà nên làm mất khả năng thanh toán, duy trì dây hui. Xét thấy lý do bà P đưa ra là không phù hợp. Bởi lẽ bà P là chủ hui, có nghĩa vụ duy trì và giao tiền hui cho các thành viên chơi hui khi đến lượt lĩnh hui. Việc chậm thực hiện nghĩa vụ góp hui giữa bà P và các hui viên khác nếu có tranh chấp thì bà P có quyền khởi kiện và sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

Do đó, bà M yêu cầu bà P phải trả số tiền hui còn thiếu là 125.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Quá trình bà P trực tiếp giao dịch, ký kết và thực hiện hợp đồng góp hui với các thành viên chơi hui thì ông H cho rằng không biết, quá trình làm việc ông H không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới cùng trả nợ với bà P. Tại phiên tòa, bà M tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông H nên căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà M đối với ông H về hợp đồng góp hui.

[2.2] Xét hợp đồng vay tài sản:

Quá trình giải quyết vụ án, bà M và bà P đều thừa nhận khoảng năm 2019 bà M có cho bà P vay số tiền gốc là 50.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ nên đây là hợp đồng dân sự không kỳ hạn. Bà P có trả cho bà M được 10.000.000 đồng và sau khi bẻ hui bà P có trả thêm 2.000.000 đồng, Bà P thừa nhận còn nợ bà M số tiền gốc là 38.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi đã đóng bà P và bà M tự thỏa thuận thực hiện với nhau xong, không có ý kiến tranh chấp và không có yêu cầu phản tố nên yêu cầu khởi kiện của bà M đối với bà P về trả số tiền vay gốc còn lại là 38.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận.

Bà M không yêu cầu bà P phải trả lãi nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Từ những phân tích trên, xét thấy bà M khởi kiện yêu cầu bà P phải trả số tiền nợ hui và tiền vay còn thiếu là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 469 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015, điểm e khoản 1 Điều 16 và khoản 3 Điều 18, Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hui, họ, biểu phường nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà P phải trả cho cho bà M số tiền hui là 125.000.000 đồng và tiền vay gốc là 38.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bà P không trả đủ tiền thì bà P còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà P thừa nhận nợ nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần nhưng không xác định được thời gian và cách thức thanh toán nợ, bà M không đồng ý nên sẽ được xem xét khi thi hành án.

Xét thấy nguyên đơn tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà M đối với ông H về tranh chấp hợp đồng góp hội, và một phần yêu cầu khởi kiện của bà M đối với bà P về số tiền hội là 185.000.000 đồng và tiền vay là 2.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bà P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 163.000.000 đồng x 5% = 8.150.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, khoản 1 Điều 227, Điều 271, và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 469 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 16 và khoản 3 Điều 18, Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu phưởng Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị M đối với Bà Đặng Thị P về tranh chấp hợp đồng góp hội và hợp đồng dân sự vay tài sản.

Buộc bà Đặng Thị P phải trả cho bà Võ Thị M số tiền nợ hội còn thiếu là 125.000.000 đồng (*Một trăm, hai mươi lăm triệu đồng*) và tiền vay gốc là 38.000.000 đồng (*Ba mươi tám triệu đồng*). Tổng cộng là 163.000.000 đồng (*Một trăm, sáu mươi ba triệu đồng*).

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bà P không trả đủ tiền thì bà P còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị M đối với ông Nguyễn Minh H1 về tranh chấp hợp đồng góp hội, và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà

Võ Thị M đối với bà Đặng Thị P về số tiền hụi là 185.000.000 đồng và tiền vay gốc là 2.000.000 đồng.

3. Về án phí: Bà Đặng Thị P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 163.000.000 đồng x 5% = 8.150.000 đồng (*Tám triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng*)

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, bà M và bà P được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 06/6/2025, ông H1 được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ọc thi hành theo quy định tại □iều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thúy An